

Số: /TB-SNNMT

**THÔNG BÁO**  
**Về việc lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản**

Căn cứ Luật Đấu giá tài sản năm 2016; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản năm 2024;

Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản năm 2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và Khoáng sản năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản; Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản và quy định chi tiết Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 03/2025/TT-BTC ngày 22 tháng 01 năm 2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn về chế độ tài chính trong hoạt động đấu giá tài sản; quy định việc thu, chi, quản lý và sử dụng tiền bán hồ sơ mời tham gia đấu giá, tiền đặt trước của người tham gia đấu giá không được nhận lại theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản;

Căn cứ Thông tư số 19/2024/TT-BTP ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số Điều của Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 được sửa đổi, bổ sung một số Điều theo Luật số 37/2024/QH15;

Căn cứ Quyết định số 1311/QĐ-BTP ngày 22/4/2025 của Bộ Tư pháp ban hành khung đấu giá tài sản mà pháp luật quy định phải bán thông qua đấu giá;

Căn cứ Quyết định số 570/QĐ-UBND ngày 25/02/2026 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch đấu giá quyền khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường đối với 03 khu vực chưa có kết quả thăm dò khoáng sản tại các xã: Phù Yên, Phiêng Cầm và phường Chiềng Sinh tỉnh Sơn La;

Căn cứ Quyết định số 988/QĐ-UBND ngày 22/4/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt giá khởi điểm, bước giá, tiền đặt trước, tổng dự toán Đề án thăm dò khoáng sản mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường (khu 2, khu 3) bản Noong Tàu Thái, xã Phiêng Cầm, tỉnh Sơn La được UBND tỉnh phê duyệt Kế hoạch đấu giá tại Quyết định số 570/QĐ-UBND ngày 25/02/2026;

Sở Nông nghiệp và Môi trường thông báo về việc lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản để tổ chức đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực chưa thăm dò đối với mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường (khu 2, khu 3) bản Noong Tàu Thái, xã Phiêng Cầm, tỉnh Sơn La, cụ thể như sau:

**1. Đơn vị thông báo lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản:** Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Sơn La.

Địa chỉ: Tòa nhà 6T2, Trung tâm hành chính tỉnh, Khu quảng trường Tây Bắc, phường Chiềng Coi, tỉnh Sơn La.

**2. Tài sản đấu giá:** Quyền khai thác khoáng sản ở khu vực chưa thăm dò đối với mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường (*khu 2, khu 3*) bản Noong Tàu Thái, xã Phiêng Cầm, tỉnh Sơn La. Diện tích mỏ đưa ra đấu giá là 12,1751 ha (*chi tiết tại phụ lục kèm theo*).

a) Giá khởi điểm là  $R = 3\%$ .

b) Bước giá là  $4\% R$  (tức bước giá  $0,12\%$ ).

c) Tiền đặt trước: 11.642.070.000 đồng.

d) Tổng dự toán Đề án thăm dò khoáng sản: 10.317.700.000 đồng.

**3. Tiêu chí lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản bao gồm các tiêu chí sau:**

TT	NỘI DUNG	MỨC TỐI ĐA
<b>I</b>	<b>Có tên trong danh sách các tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố</b>	
<i>1</i>	<i>Có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố</i>	<i>Đủ điều kiện</i>
<i>2</i>	<i>Không có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố</i>	<i>Không đủ điều kiện</i>
<b>II</b>	<b>Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá</b>	<b>19,0</b>
<i>1.</i>	<i>Cơ sở vật chất bảo đảm cho việc đấu giá</i>	<i>10,0</i>
<i>1.1</i>	<i>Có địa chỉ trụ sở ổn định, rõ ràng (số điện thoại, địa chỉ thư điện tử...), trụ sở có đủ diện tích làm việc</i>	<i>5,0</i>
<i>1.2</i>	<i>Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, thuận tiện</i>	<i>5,0</i>
<i>2.</i>	<i>Trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá</i>	<i>5,0</i>
<i>2.1</i>	<i>Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại trụ sở tổ chức hành nghề đấu giá tài sản khi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá (có thể được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)</i>	<i>2,0</i>
<i>2.2</i>	<i>Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại nơi tổ chức phiên đấu giá (được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)</i>	<i>3,0</i>
<i>3.</i>	<i>Có trang thông tin điện tử của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản đang hoạt động ổn định, được cập nhật thường xuyên</i> <i>Đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì dùng Trang thông tin điện tử độc lập hoặc Trang thông tin thuộc Cổng Thông tin điện tử của Sở Tư pháp</i>	<i>2,0</i>
<i>4.</i>	<i>Có Trang thông tin đấu giá trực tuyến được phê duyệt hoặc trong năm trước liền kề đã thực hiện ít nhất 01 cuộc đấu giá bằng hình thức trực</i>	<i>1,0</i>

	<i>tuyển</i>	
5.	<i>Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá</i>	<i>1,0</i>
<b>III</b>	<b>Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả (Thuyết minh đầy đủ các nội dung trong phương án)</b>	<b>16,0</b>
1.	<i>Phương án đấu giá đề xuất được hình thức đấu giá, bước giá, số vòng đấu giá có tính khả thi và hiệu quả cao</i>	<i>4,0</i>
1.1	<i>Hình thức đấu giá khả thi, hiệu quả</i>	<i>2,0</i>
1.2	<i>Bước giá, số vòng đấu giá khả thi, hiệu quả</i>	<i>2,0</i>
2.	<i>Phương án đấu giá đề xuất việc bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, khả thi, thuận tiện (địa điểm, phương thức bán, tiếp nhận hồ sơ)</i>	<i>4,0</i>
3.	<i>Phương án đấu giá đề xuất được đối tượng và điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với tài sản đấu giá</i>	<i>4,0</i>
3.1	<i>Đối tượng theo đúng quy định của pháp luật</i>	<i>2,0</i>
3.2	<i>Điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với quy định pháp luật áp dụng đối với tài sản đấu giá</i>	<i>2,0</i>
4.	<i>Phương án đấu giá đề xuất giải pháp giám sát việc tổ chức đấu giá hiệu quả; chống thông đồng, đùm giá, bảo đảm an toàn, an ninh trật tự của phiên đấu giá</i>	<i>4,0</i>
<b>IV</b>	<b>Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản</b>	<b>57,0</b>
1.	<i>Tổng số cuộc đấu giá đã tổ chức trong năm trước liền kề (bao gồm cả cuộc đấu giá thành và cuộc đấu giá không thành) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.</i>	<i>15,0</i>
1.1	<i>Dưới 20 cuộc đấu giá</i>	<i>12,0</i>
1.2	<i>Từ 20 cuộc đấu giá đến dưới 40 cuộc đấu giá</i>	<i>13,0</i>
1.3	<i>Từ 40 cuộc đấu giá đến dưới 70 cuộc đấu giá</i>	<i>14,0</i>
1.4	<i>Từ 70 cuộc đấu giá trở lên</i>	<i>15,0</i>
2.	<i>Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.</i>	<i>7,0</i>
2.1	<i>Dưới 10 cuộc đấu giá thành (bao gồm cả trường hợp không có cuộc đấu giá thành nào)</i>	<i>4,0</i>
2.2	<i>Từ 10 cuộc đấu giá thành đến dưới 30 cuộc đấu giá thành</i>	<i>5,0</i>
2.3	<i>Từ 30 cuộc đấu giá thành đến dưới 50 cuộc đấu giá thành</i>	<i>6,0</i>
2.4	<i>Từ 50 cuộc đấu giá thành trở lên</i>	<i>7,0</i>
3.	<i>Tổng số cuộc đấu giá thành có chênh lệch giữa giá trúng so với giá khởi điểm trong năm trước liền kề (Người có tài sản không yêu cầu nộp hoặc cung cấp bản chính hoặc bản sao hợp đồng, quy chế cuộc đấu giá và các</i>	<i>7,0</i>

	<b>tài liệu có liên quan)</b> <b>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.</b>	
3.1	Dưới 10 cuộc (bao gồm cả trường hợp không có chênh lệch)	4,0
3.2	Từ 10 cuộc đến dưới 30 cuộc	5,0
3.3	Từ 30 cuộc đến dưới 50 cuộc	6,0
3.4	Từ 50 cuộc trở lên	7,0
4.	<b>Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên (Người có tài sản đấu giá không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng)</b> <b>Người có tài sản chấm điểm theo cách thức dưới đây. Trường hợp kết quả điểm là số thập phân thì được làm tròn đến hàng phần trăm. Trường hợp số điểm của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản dưới 1 điểm (bao gồm cả trường hợp 0 điểm) thì được tính là 1 điểm.</b>	<b>3,0</b>
4.1	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (A) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên nhiều nhất (Y cuộc) thì được tối đa 3 điểm	3,0
4.2	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (B) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề (U cuộc) thì số điểm được tính theo công thức: Số điểm của B = $(U \times 3)/Y$	
4.3	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (C) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề tiếp theo (V cuộc) thì số điểm được tính tương tự theo công thức nêu trên: Số điểm của C = $(V \times 3)/Y$	
5	<b>Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản được thành lập trước ngày Luật đấu giá tài sản có hiệu lực)</b> <b>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.</b>	<b>7,0</b>
5.1	Có thời gian hoạt động dưới 05 năm	4,0
5.2	Có thời gian hoạt động từ 05 năm đến dưới 10 năm	5,0
5.3	Có thời gian hoạt động từ 10 năm đến dưới 15 năm	6,0
5.4	Có thời gian hoạt động từ 15 năm trở lên	7,0
6.	<b>Số lượng đấu giá viên của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản</b> <b>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.</b>	<b>4,0</b>
6.1	01 đấu giá viên	2,0
6.2	Từ 02 đến dưới 05 đấu giá viên	3,0
6.3	Từ 05 đấu giá viên trở lên	4,0
7.	<b>Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên là Giám đốc Trung tâm dịch</b>	<b>4,0</b>

	<p>vụ đấu giá tài sản, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc của Công ty đấu giá hợp danh, Giám đốc doanh nghiệp tư nhân (Tính từ thời điểm được cấp Thẻ đấu giá viên theo Nghị định số 05/2005/NĐ-CP ngày 18/01/2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc đăng ký danh sách đấu giá viên tại Sở Tư pháp theo Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc Thẻ đấu giá viên theo Luật đấu giá tài sản hoặc thông tin về danh sách đấu giá viên trong Giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đấu giá tài sản)</p> <p><b>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.</b></p>	
7.1	Dưới 05 năm	2,0
7.2	Từ 05 năm đến dưới 10 năm	3,0
7.3	Từ 10 năm trở lên	4,0
8.	<p><b>Kinh nghiệm của đấu giá viên hành nghề</b></p> <p><b>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.</b></p>	<b>5,0</b>
8.1	Không có đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên	3,0
8.2	Có từ 01 đến 03 đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên	4,0
8.3	Có từ 4 đấu giá viên trở lên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên	5,0
9.	<p><b>Số thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc khoản tiền nộp vào ngân sách Nhà nước đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản trong năm trước liền kề, trừ thuế giá trị gia tăng (Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp trong báo cáo tài chính và số thuế thực nộp được cơ quan thuế xác nhận bằng chứng từ điện tử; đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì có văn bản về việc thực hiện nghĩa vụ thuế với ngân sách Nhà nước)</b></p> <p><b>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.</b></p>	<b>5,0</b>
9.1	Dưới 50 triệu đồng	3,0
9.2	Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng	4,0
9.3	Từ 100 triệu đồng trở lên	5,0
V	<p><b>Tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định (Người có tài sản có thể chọn hoặc không chọn tiêu chí tại mục này để đánh giá chấm điểm. Trường hợp chọn tiêu chí tại mục này thì người có tài sản chọn một hoặc nhiều tiêu chí sau đây nhưng số điểm không được vượt quá mức tối đa của từng tiêu chí và tổng số điểm không được vượt quá mức tối đa của mục này)</b></p>	<b>8,0</b>
1.	<p>Đã tổ chức đấu giá thành tài sản cùng loại với tài sản đưa ra đấu giá. Tài sản là quyền khai thác khoáng sản quy định tại điểm 1 khoản 1 Điều 4 Luật Đấu giá tài sản được sửa đổi, bổ sung theo điểm b khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản (số liệu tính từ năm 2021 đến nay trên địa bàn tỉnh Sơn La)</p>	
1.1	Dưới 30 cuộc đấu giá	1,0

1.2	<i>Dưới 60 cuộc đấu giá</i>	2,0
1.3	<i>Từ 60 cuộc đấu giá trở lên</i>	3,0
2.	<b><i>Đã từng ký kết hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản với người có tài sản đấu giá và đã tổ chức cuộc đấu giá thành theo hợp đồng đó</i></b>	<b>1,0</b>
3.	<b><i>Trụ sở chính của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản trong phạm vi tỉnh, thành phố nơi có tài sản đấu giá (trường hợp có nhiều tài sản đấu giá ở nhiều tỉnh, thành phố khác nhau thì chỉ cần trụ sở chính của tổ chức hành nghề đấu giá ở một trong số tỉnh, thành phố đó), không bao gồm trụ sở chi nhánh.</i></b>	<b>4,0</b>

***Lưu ý:*** Tài sản cùng loại là tài sản được phân theo cùng một điểm quy định tại khoản 1 Điều 4 Luật đấu giá tài sản được sửa đổi bổ sung theo khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đấu giá tài sản.

**4. Đánh giá, chấm điểm Tổ chức đấu giá tài sản:** Thực hiện theo phụ lục I Thông tư số 19/2024/TT-BTP ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Bộ Tư pháp.

Trường hợp có từ 02 Tổ chức đấu giá tài sản trở lên có số điểm cao nhất bằng nhau thì Tổ chức đấu giá tài sản có thời gian thành lập lâu hơn và đã tổ chức đấu giá tài sản cùng loại nhiều hơn sẽ được lựa chọn.

#### **5. Yêu cầu về hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn Tổ chức đấu giá tài sản**

- Hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn do Tổ chức đấu giá tài sản tự xây dựng bao gồm đầy đủ, rõ ràng các thông tin theo nội dung nhóm tiêu chí quy định tại mục 3 Thông báo này, kèm theo bảng tự chấm điểm các tiêu chí của tổ chức đấu giá tài sản, có ký, đóng dấu của Tổ chức đấu giá tài sản.

- Tổ chức đấu giá tài sản phải gửi kèm các giấy tờ, tài liệu chứng minh cho các tiêu chí đánh giá và tự chịu trách nhiệm đối với thông tin, các giấy tờ, tài liệu chứng minh trong hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn của mình.

- Trường hợp hồ sơ đăng ký thiếu nội dung thông tin của các nhóm tiêu chí quy định tại mục 3 Thông báo này thì nội dung đó không được chấm điểm.

- Hồ sơ được in bìa đóng thành quyển, đóng dấu giáp lai. Mỗi Tổ chức đấu giá tài sản phải nộp 01 quyển hồ sơ và đựng trong phong bì dán kín, đóng dấu niêm phong của Tổ chức đấu giá tài sản.

#### **6. Thời gian, địa điểm nộp hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn Tổ chức đấu giá tài sản**

- **Thời gian tiếp nhận hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn:** Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày Thông báo này được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử Quốc gia về đấu giá tài sản.

- **Địa điểm nộp hồ sơ:** Nộp trực tiếp tại trụ sở chính của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Sơn La (*qua Phòng Địa chất và Khoáng sản*). Địa chỉ: phòng 208, Tầng 2, Tòa nhà 6T2, Trung tâm hành chính tỉnh, Khu quảng trường Tây Bắc, phường Chiềng Cơi, tỉnh Sơn La.

**Lưu ý:**

+ Người được tổ chức đấu giá tài sản cử đến nộp hồ sơ phải mang theo Giấy giới thiệu và bản photo CMND/CCCD (mang bản chính để đối chiếu).

+ Chỉ xét chọn đối với Tổ chức đấu giá tài sản nộp đủ số lượng hồ sơ, đúng thời gian và đáp ứng các nội dung, sắp xếp đúng thứ tự theo quy định tại mục 3 Thông báo này.

+ Hồ sơ đã nộp không được hoàn trả trong mọi trường hợp.

+ Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Sơn La chỉ giải quyết kiến nghị của Tổ chức đấu giá tài sản trong 03 ngày kể từ ngày thông báo kết quả lựa chọn được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử Quốc gia về đấu giá tài sản đối với những hồ sơ nộp đúng thời gian, đúng số lượng đã quy định.

Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Sơn La thông báo đến các Tổ chức đấu giá tài sản biết và nộp hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn để tổ chức thực hiện cuộc đấu giá tài sản.

Thông báo này được đăng trên Cổng thông tin điện tử Quốc gia về đấu giá tài sản, Cổng thông tin điện tử Tỉnh Sơn La và Trang thông tin điện tử của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Sơn La./.

**Nơi nhận:**

- UBND tỉnh (b/c);
- Cổng thông tin điện tử quốc gia về đấu giá tài sản - Bộ Tư pháp;
- Trung tâm thông tin - Văn phòng UBND tỉnh (để đăng tải);
- Trung tâm Khuyến nông và Chuyên đổi số (để đăng tải);
- Các tổ chức đấu giá tài sản;
- Văn phòng Sở (niêm yết tại trụ sở);
- Lưu: VT, ĐCKS – Học, 08 bản.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Vũ Tiến Đĩnh**

**Phụ lục**  
**TOẠ ĐỘ, DIỆN TÍCH KHU VỰC MỎ ĐÁ VÔI LÀM VẬT LIỆU XÂY DỰNG THÔNG THƯỜNG (KHU 2, KHU 3)**  
**BẢN NOONG TÀU THÁI, XÃ PHIÊNG CẨM, TỈNH SƠN LA**

(Kèm theo Thông báo số: /TB-SNNMT ngày tháng 4 năm 2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Sơn La)

Tên mỏ	Địa điểm	Tọa độ hệ VN 2000, Kinh tuyến trục 104 <sup>0</sup> 00'; múi chiếu 3 <sup>0</sup>		Diện tích (ha)	Ghi chú
		X (m)	Y (m)		
Mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường (khu 2, khu 3) bản Noong Tàu Thái, xã Phiêng Cẩm, tỉnh Sơn La	bản Noong Tàu Thái, xã Phiêng Cẩm, tỉnh Sơn La	2.332.752,25	480.075,70	<b>18,96</b>	Khu vực chưa có kết quả thăm dò khoáng sản
		2.332.508,15	479.903,96		
		2.332.372,58	480.081,52		
		2.332.360,85	480.408,35		
		2.332.588,58	480.501,98		
		2.332.713,35	480.444,12		
		2.332.744,16	480.362,25		
		2.332.829,60	480.350,61		